

Vietnam Daily Review

Thị trường hồi phục dần

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 2/5/2022		•	
Tuần 2/5-6/5/2022		•	
Tháng 4/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường tăng gần 16 điểm với thanh khoản cải thiện trước kỳ nghỉ lễ, đóng cửa tại vùng kháng cự 1366. Các nhóm cổ phiếu như bộ ba Bank, Chứng, Thép, Dầu khí,... giao dịch tích cực với sắc xanh áp đảo. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 16/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Kết thúc kỳ nghỉ lễ, thị trường có thể có những phiên tích lũy quanh vùng 1366 này. Đặc biệt, hôm nay danh mục ETF Diamond đã thêm mới 3 cổ phiếu là DHC, OCB, TCM. Cả ba cổ phiếu này đều tăng khoảng 1% – 4% trong phiên hôm nay. Về tỷ trọng những cổ phiếu này, mời nhà đầu tư tham chiếu tại Báo cáo tuần 17.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Các nhà đầu tư có thể cân nhắc bán các HĐTL ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 29/04/2022, các chứng quyền giằng co tăng nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): PC1_Tín hiệu hồi phục

Điểm nhấn:

- VN-Index **+15.81** điểm, đóng cửa **1366.80** điểm. HNX-Index **+5.62** điểm, đóng cửa **365.83** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+2.05)**, **TCB (+1.54)**, **ACB (+1.20)**, **MWG (+0.79)**, **BCM (+0.77)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-0.80)**, **VCB (-0.70)**, **CTG (-0.53)**, **SAB (-0.45)**, **SSB (-0.20)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **15.419** tỷ đồng, tăng **+25.76%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 18.767 tỷ đồng.
- Biên độ dao động 26.07 điểm. Thị trường có **339** mã tăng, 45 mã tham chiếu và **99** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **88.91** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **NLG (157.96 tỷ)**, **VCB (146.52 tỷ)**, **DGC (44.89 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **19.96** tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1366.80**
Giá trị: 15419.03 tỷ **15.81 (1.17%)**
Khối ngoại (ròng): 88.91 tỷ

HNX-INDEX **365.83**
Giá trị: 1662.64 tỷ **5.62 (1.56%)**
Khối ngoại (ròng): 19.96 tỷ

UPCOM-INDEX **104.31**
Giá trị: 0.75 tỷ **1.62 (1.58%)**
Khối ngoại(ròng): 0.72 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	106.5	1.08%
Giá vàng	1,916	1.14%
Tỷ giá USD/VND	22,968	0.04%
Tỷ giá EUR/VND	24,268	0.62%
Tỷ giá JPY/VND	17,690	0.85%
LS liên NH 1 tháng	2.4%	1.37%
LS TPCP 5 năm	2.5%	0.00%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NLG	158.0	VHM	-185.8
VCB	146.5	GEX	-42.3
DGC	44.9	VIC	-40.8
KDH	41.8	GAS	-28.3
HPG	18.5	DGW	-24.3
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 29/04

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	105.36	3.27%	1.51%	3.24%	62.07%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	107.46	2.03%	-0.80%	-0.23%	57.91%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	3.47	0.52%	4.05%	9.36%	65.13%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1894.19	0.43%	-2.94%	-1.30%	6.94%		PNJ
Bạc	USD/ounce	23.15	-0.60%	-6.04%	-6.48%	-11.26%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1706.50	-1.16%	-2.39%	3.86%	10.63%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1085.75	-0.50%	0.86%	7.58%	47.22%		AFX
Sữa	USD /cwt	24.39	0.33%	0.33%	8.79%	38.34%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	247.00	0.08%	-7.70%	-2.53%	4.00%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	19.40	2.00%	-2.37%	1.52%	13.58%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	3.10	9.93%	8.77%	13.14%	11.91%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	218.40	1.13%	-4.27%	1.25%	54.46%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	4.41	-0.96%	-6.18%	-6.71%	-1.77%	HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	5105.00	1.05%	-1.05%	1.73%	-4.81%		
Nhôm	USD/ton	3039.00	-1.76%	-7.85%	-11.55%	25.84%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	137.00	0.00%	-6.48%	-7.12%	-28.65%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	326.05	0.00%	-1.53%	26.38%	250.97%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent tăng 33 cent lên 105.32 USD/thùng, trong khi dầu Tây Texas của Mỹ (WTI) tăng 32 cent lên 102.02 USD/thùng.
- Giá dầu tăng nhẹ trong phiên 28/4 vừa qua do lo ngại về nguồn cung trên toàn thế giới bị thắt chặt trong bối cảnh dự trữ xăng và các sản phẩm chưng cất khác của Mỹ sụt giảm.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay kết thúc phiên giảm 0.8% xuống 1,890.29 USD/ounce, trong phiên có lúc giảm xuống 1,881.45 đô la, mức thấp nhất kể từ ngày 24 tháng 2; vàng kỳ hạn tháng 6 cũng giảm 0.8% xuống 1,888.7 USD.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất trong vòng hơn 2 tháng do USD hồi phục mạnh bởi thị trường nhận định Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) sẽ tích cực thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ.

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt kỳ hạn giao tháng 9 trên sàn Đại Liên tăng 3.5% lên 834 nhân dân tệ (127.19 USD)/tấn trong phiên giao dịch buổi sáng 27/4, kết thúc phiên vẫn 2.6% so với phiên trước đó, đạt 827 nhân dân tệ.
- Giá thép thanh vằn kỳ hạn tháng 10 trên sàn Thượng Hải phiên này cũng tăng 1% lên 4,864 nhân dân tệ/tấn; thép cuộn cán nóng, được sử dụng trong lĩnh vực sản xuất, tăng 0.8% lên 4,948 nhân dân tệ/tấn.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 10 trên sàn Osaka giảm 3.8 yên, tương đương 1.5%, xuống 247.6 yên (1.9 USD)/kg vào lúc đóng phiên, sau khi có lúc chạm mức thấp nhất kể từ ngày 18 tháng 3 là 246.5 yên.
- Hợp đồng cao su kỳ hạn tháng 9 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải tăng 40 nhân dân tệ lên 12,700 nhân dân tệ (1,939 USD)/tấn sau khi chứng khoán Trung Quốc phục hồi mạnh từ mức thấp nhất trong hai năm.

	29/4	% 29/4	28/4	% 28/4	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1366.80	1.17%	1350.99	-0.21%	-0.90%	-8.74%
S&P 500			4287.50	2.47%	-2.42%	-6.29%
HĐTL S&P500	4271.00	-0.29%	4283.50	2.47%	0.09%	-7.66%
Shang- hai	3047.06	2.41%	2975.49	0.58%	-1.29%	-5.21%
Euro Stoxx	3830.30	1.41%	3777.02	1.13%	-0.25%	-1.46%

BSC

Phân tích kỹ thuật PC1_Tín hiệu hồi phục

- Điểm nhấn kỹ thuật:**
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
 - Chỉ báo xu hướng MACD: Đường MACD đang ở dưới đường tín hiệu
 - Chỉ báo RSI: Xu hướng hồi phục

Nhận định: PC1 có một phiên tăng điểm tốt với mẫu hình nền Marubozu gần như hoàn hảo. Tuy nhiên thanh khoản cổ phiếu chưa vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Đường MACD hiện vẫn đang ở dưới đường tín hiệu tuy nhiên chỉ RSI đang cho thấy xu hướng hồi phục trở lại. Đường giá cổ phiếu nằm dưới MA(20), MA(50) và MA(100) tuy nhiên đang có tín hiệu hồi phục. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 39.4, chốt lãi tại ngưỡng 45.0 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 35.0.



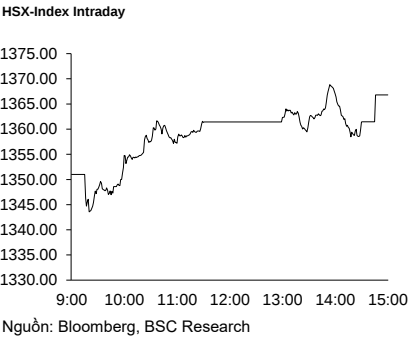
Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

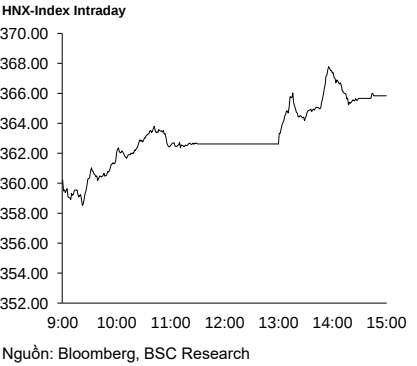
Ngành	±%
Bảo hiểm	3.59%
Bán lẻ	3.02%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	2.51%
Ô tô và phụ tùng	2.09%
Bất động sản	1.86%
Dịch vụ tài chính	1.86%
Hóa chất	1.80%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.59%
Dầu khí	1.54%
Xây dựng và Vật liệu	1.31%
Y tế	0.90%
Ngân hàng	0.89%
Tài nguyên Cơ bản	0.66%
Du lịch và Giải trí	0.44%
Viễn thông	0.31%
Thực phẩm và đồ uống	0.20%
Truyền thông	-0.04%
Công nghệ Thông tin	-0.21%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.28%

Hình 1



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

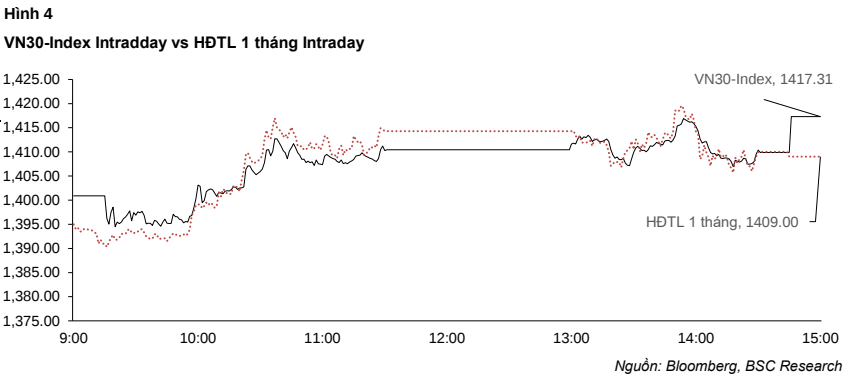
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
4/28/2022	FPT	105.5	118.9	100	105	1	-0.47%	Có thể giữ nguyên vị thế
4/27/2022	HPG	42.5	47	39.5	43.3	2	1.88%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
4/26/2022	REE	73.9	86	69	82.4	3	11.50%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiệm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
4/16/2022	DRC	37.5	42	35	SL	4	-6.67%
4/15/2022	MIG	29.65	33.9	27.65	SL	5	-6.75%
4/14/2022	BWE	57.7	66	53.7	SL	11	-6.93%
4/13/2022	LHG	57.7	67.8	53.7	SL	7	-6.93%
4/6/2022	HT1	25.7	30	24.2	SL	9	-5.84%
4/5/2022	ELC	28.85	35	27	SL	3	-6.41%
4/4/2022	GVR	36.5	41.5	34	SL	8	-6.85%
4/1/2022	SIP	140	163	134	SL	11	-4.29%
3/31/2022	VNM	80.9	95	76.8	SL	12	-5.07%
3/29/2022	MSH	86.2	101	80.2	TP	17	17.17%
3/28/2022	GMD	56.3	63.2	53	SL	15	-5.86%
3/24/2022	BMP	61	68	58.9	SL	32	-3.44%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	2	1	6.69%	-0.47%	4.30%	2
Cổ phiếu đã chốt	243	208	7.39%	-7.39%	4.41%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2205	1409.00	1.22%	-8.31	-4.4%	244,985	5/19/2022	18
VN30F2206	1409.60	1.07%	-7.71	-14.8%	629	6/16/2022	46
VN30F2209	1404.70	0.70%	-12.61	95.0%	117	9/15/2022	137
VN30F2212	1416.00	1.58%	-1.31	-7.4%	25	12/15/2022	228

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 16.43 điểm lên 1417.31 điểm. Các cổ phiếu như ACB, TCB, VIC, MWG, VRE đã tác động tích cực đến vận động của VN30. VN30 có phiên vận động khá tích cực trước kỳ nghỉ lễ, Tuy nhiên, việc FED tăng lãi suất vào tuần sau có thể khiến tâm lý nhà đầu tư lo sợ. VN30 nhiều khả năng sẽ test lại ngưỡng kháng cự 1400 điểm trước khi hình thành xu hướng mới.
- Các HDTL tăng theo nhịp vận động của chỉ số VN30. Xét về KLGD, các HĐ đều tăng, chỉ VN30F2212 giảm. Xét về vị thế mở, HĐ VN30F2206 và VN30F225 tăng, hai HĐ còn lại giảm. Các nhà đầu tư có thể cân nhắc bán các HDTL ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTPB2202	7/18/2022	80	20:1	728,100	39.26%	3,700	830	12.16%	28	30.05	67,800	45,000	33,600
CSTB2202	9/20/2022	144	5:1	31,400	37.04%	2,700	1,910	4.95%	325	5.87	43,100	29,500	27,700
CPOW2201	7/15/2022	77	8:1	1,146,200	47.41%	1,000	250	4.17%	18	13.93	20,586	16,666	13,150
CPNJ2201	9/20/2022	144	8:1	173,600	33.85%	2,300	2,740	3.79%	2,082	1.32	97,900	95,500	108,000
CVPB2201	9/20/2022	144	5:1	108,800	30.37%	1,300	1,500	3.45%	351	4.28	38,200	37,000	36,700
CVPB2204	11/15/2022	200	8:1	43,800	30.37%	1,000	910	2.25%	675	1.35	45,768	30,888	36,700
CNVL2202	8/15/2022	108	15.2:1	8,100	22.87%	1,000	840	1.20%	300	2.80	112,223	79,999	82,000
CFPT2203	8/1/2022	94	10:1	1,042,600	23.99%	3,800	4,720	0.85%	1,098	4.30	102,500	95,000	105,000
CMBB2201	9/20/2022	144	9.98:1	121,200	28.45%	2,700	2,900	0.69%	162	17.91	59,440	29,500	29,800
CVPB2203	7/15/2022	77	5:1	43,300	30.37%	1,000	780	0.00%	1,170	0.67	37,638	28,888	36,700
CMSN2104	5/4/2022	5	19.9:1	478,600	36.53%	5,200	2,300	0.00%	895	2.57	118,148	0	116,000
CPNJ2109	5/4/2022	5	24.8:1	158,200	33.85%	1,000	100	0.00%	48	2.08	137,476	108,888	108,000
CVRE2105	5/4/2022	5	4:1	2,181,900	35.16%	1,200	60	0.00%	39	1.55	34,440	30,000	30,900
CHPG2204	6/24/2022	56	5:1	93,600	30.61%	1,900	1,080	0.00%	152	7.11	54,500	44,500	43,300
CFPT2202	6/24/2022	56	8:1	323,700	23.99%	1,700	2,020	-0.98%	1,821	1.11	101,540	89,700	105,000
CVIC2202	8/15/2022	108	20:1	426,500	27.19%	1,100	720	-1.37%	129	5.59	84,022	82,222	80,000
CFPT2201	9/20/2022	144	5:1	294,800	23.99%	2,100	1,690	-2.87%	1,172	1.44	118,800	106,000	105,000
CFPT2108	7/6/2022	68	6:1	55,700	23.99%	3,280	2,230	-3.04%	531	4.20	109,835	106,835	105,000
CMWG2202	8/1/2022	94	12:1	455,500	27.26%	4,000	3,020	-6.50%	729	4.14	239,800	145,000	149,200
CFPT2111	5/24/2022	25	8:1	98,700	23.99%	1,990	970	-9.35%	192	5.06	107,680	106,000	105,000
Tổng				7,286,200	30.41%**								
Chú thích:	Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất							CR: Tỷ lệ chuyển đổi					
	Lãi suất phi rủi ro là 4.75%							Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn					
	**Trung bình độ lệch chuẩn							*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes					

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 29/04/2022, các chứng quyền giảm nhẹ theo nhịp vận động của cổ phiếu cơ sở.
- CACB2102 và CPNJ2110 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 393.24% và 81.82%. Giá trị giao dịch tăng 22.51%. CFPT2203 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 18.58% thị trường.
- CVPB2203, CMWG2201, CVPB2202, và CPNJ2201 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CKDH2204, CPOW2201, CMSN2201, và CKDH2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2201, CFPT2202, và CPNJ2201 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	149.2	2.9%	0.5	4,749	11.2	6,936	21.5	5.2	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	108.0	1.7%	0.6	1,138	2.2	5,443	19.8	3.3	52.2%	18.0%
BVH	Bảo hiểm	62.1	3.5%	1.3	2,004	4.4	2,554	24.3	2.2	26.4%	9.2%
PVI	Bảo hiểm	54.0	6.7%	0.5	550	0.3	3,644	14.8	1.6	58.0%	11.1%
VIC	Bất động sản	80.0	2.7%	0.6	13,266	7.3	(578)	#N/A	2.9	12.6%	-2.4%
VRE	Bất động sản	30.9	3.5%	1.1	3,053	5.5	401	77.1	2.3	30.9%	3.0%
VHM	Bất động sản	65.0	0.8%	1.1	12,306	19.0	8,786	7.4	2.2	23.5%	34.5%
DXG	Bất động sản	36.6	2.5%	1.4	967	9.5	1,942	18.8	2.5	31.3%	15.5%
SSI	Chứng khoán	33.6	0.1%	1.6	1,448	13.6	3,023	11.1	2.2	37.2%	22.6%
VCI	Chứng khoán	42.1	5.1%	1.0	609	5.5	4,884	8.6	2.0	18.6%	26.9%
HCM	Chứng khoán	26.6	-0.2%	1.5	528	2.8	2,619	10.1	1.6	42.3%	17.9%
FPT	Công nghệ	105.0	-0.5%	0.9	4,143	18.3	5,152	20.4	5.0	49.0%	26.1%
FOX	Công nghệ	79.4	0.4%	0.4	1,133	0.0	4,926	16.1	4.3	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	106.0	-1.6%	1.1	8,821	2.5	4,381	24.2	4.0	2.9%	17.4%
PLX	Dầu khí	48.0	0.4%	1.5	2,652	1.8	2,344	20.5	2.4	17.3%	12.3%
PVS	Dầu khí	24.6	4.7%	1.8	511	9.3	1,258	19.6	1.0	8.5%	5.0%
BSR	Dầu khí	21.7	0.9%	0.8	2,925	3.8	2,108	10.3	1.8	41.1%	19.1%
DHG	Dược	101.1	1.2%	0.2	575	0.1	6,105	16.6	3.7	54.2%	21.8%
DPM	Hóa chất	67.4	1.5%	0.9	1,147	14.4	12,920	5.2	2.2	12.3%	50.2%
DCM	Hóa chất	38.7	1.7%	0.8	890	6.9	5,643	6.8	2.3	7.5%	38.9%
VCB	Ngân hàng	80.9	-0.7%	0.9	16,646	4.5	4,632	17.5	3.5	23.6%	21.6%
BID	Ngân hàng	37.3	1.5%	1.2	8,193	2.5	2,266	16.4	2.2	16.8%	13.8%
CTG	Ngân hàng	27.8	-1.6%	1.5	5,798	7.2	2,558	10.9	1.4	25.7%	13.0%
VPB	Ngân hàng	36.7	0.5%	1.2	7,093	21.1	3,874	9.5	1.9	17.5%	24.0%
MBB	Ngân hàng	29.8	1.2%	1.2	4,895	10.9	3,623	8.2	1.8	23.2%	23.7%
ACB	Ngân hàng	32.7	5.5%	1.1	3,841	6.5	3,852	8.5	1.8	30.0%	24.2%
BMP	Nhựa	61.6	0.2%	0.6	219	0.2	3,150	19.6	2.1	85.6%	10.7%
NTP	Nhựa	53.8	6.7%	0.4	276	0.1	3,990	13.5	2.2	17.9%	16.9%
MSR	Tài nguyên	26.7	1.9%	1.2	1,276	0.3	178	150.0	2.1	10.1%	1.4%
HPG	Thép	43.3	0.5%	1.1	8,421	23.2	7,166	6.0	2.1	21.6%	42.8%
HSG	Thép	28.3	-0.2%	1.4	607	6.4	8,581	3.3	1.2	6.8%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	74.2	-0.1%	0.7	6,742	5.3	4,518	16.4	4.7	54.4%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	162.1	-1.8%	0.8	4,520	1.1	5,969	27.2	4.9	62.7%	19.0%
MSN	Tiêu dùng	116.0	-0.4%	0.9	7,145	5.6	6,048	19.2	5.0	28.6%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	19.0	3.8%	1.4	520	1.4	1,135	16.7	1.4	8.6%	8.7%
ACV	Vận tải	88.0	0.0%	0.8	8,329	0.1	363	242.6	5.1	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	129.9	0.7%	1.1	3,059	3.1	185	700.4	4.2	16.9%	0.6%
HVN	Vận tải	21.8	0.2%	1.7	2,094	1.3	(6,783)	N/A	N/A	6.1%	-331.6%
GMD	Vận tải	54.4	1.1%	1.0	713	4.3	2,256	24.1	2.5	44.0%	10.8%
PVT	Vận tải	20.3	4.6%	1.3	286	3.2	2,088	9.7	1.2	11.3%	13.0%
VCS	Vật liệu xây dựng	102.2	-0.5%	0.7	711	0.6	10,538	9.7	3.4	3.4%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	47.2	2.4%	0.5	920	1.8	3,677	12.8	2.7	4.5%	22.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	18.9	1.3%	0.9	313	0.9	783	24.1	1.4	2.1%	5.6%
CTD	Xây dựng	55.5	-4.3%	1.2	178	5.4	(27)	N/A	N/A	46.2%	0.3%
CII	Xây dựng	23.6	2.2%	1.2	258	4.7	1,266	18.6	1.1	10.5%	6.1%
REE	Điện	82.4	4.2%	-1.4	1,107	3.4	6,893	12.0	1.9	49.0%	16.7%
PC1	Điện	39.4	5.1%	-0.4	403	3.2	3,238	12.2	1.9	5.1%	16.9%
POW	Điện	13.2	2.7%	0.6	1,339	5.9	768	17.1	1.1	2.1%	6.3%
NT2	Điện	22.5	2.0%	0.6	281	0.5	1,933	11.6	1.5	13.7%	13.1%
KBC	Khu công nghiệp	43.8	1.9%	1.4	1,096	7.1	1,590	27.5	1.8	19.2%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	85.9	3%	0.8	3,866	1.5	1,190	72.2	5.5	2.7%	8.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	80.00	2.70	2.05	2.15MLN
TCB	44.00	4.02	1.53	9.80MLN
ACB	32.70	5.48	1.18	4.64MLN
MWG	149.20	2.90	0.79	1.74MLN
BCM	85.90	3.49	0.77	392300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-0.83	548300	1.11MLN
VCB	0.00	-0.73	1.26MLN	607060
CTG	0.00	-0.55	5.95MLN	373600
SAB	0.00	-0.48	161500	192700
SSB	0.00	-0.21	2.12MLN	611640

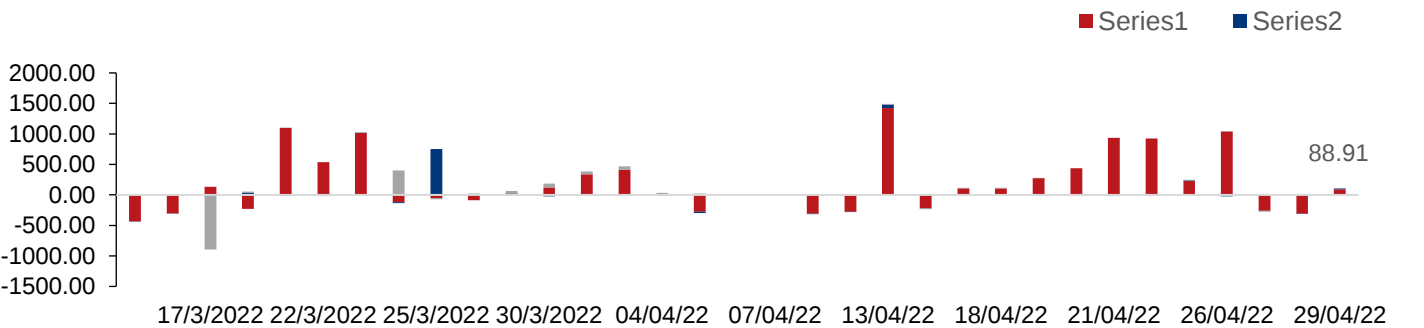
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
OGC	16.05	7.00	0.08	2.52MLN
FTM	3.67	7.00	0.00	497200
SMA	10.25	6.99	0.00	13700
VID	9.95	6.99	0.01	39600
HAH	79.70	6.98	0.07	2.08MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LGC	42.65	-6.98	-0.16	700
HOT	35.50	-6.58	-0.01	300
VNS	12.15	-6.54	-0.02	9900.00
PNC	8.81	-6.28	0.00	100
MCP	25.70	-6.20	-0.01	2000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	105.0	5,152	20.4	5.0	Click
2	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	32.4	2,466	13.1	2.1	Click
3	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	37.4	11,559	3.2	1.3	Click
4	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	13.2	768	17.1	1.1	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	108.0	5,443	19.8	3.3	Click
6	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	149.2	6,936	21.5	5.2	Click
7	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	20.3	2,088	9.7	1.2	Click
8	DGC	Hóa chất	Mua	4/3/22	177.6	233.0	240.9	18,902	12.7	5.7	Click
9	HPG	Thép	Mua	3/3/22	50.1	61.7	43.3	7,166	6.0	2.1	Click
10	KBC	Bất động sản	Mua	2/3/22	57.5	74.9	43.8	1,590	27.5	1.8	Click
11	PSD	Bán lẻ	Mua	2/3/22	41.6	50.3	37.0	5,084	7.3	2.4	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	24/2/22	40.4	50.0	36.6	1,942	18.8	2.5	Click
13	DGW	Bán lẻ	Mua	24/2/22	111.9	143.0	139.0	8,596	16.2	6.2	Click
14	ANV	Thủy sản	Mua	23/2/22	34.5	40.6	46.0	2,136	21.5	2.3	Click
15	TNG	Dệt may	Mua	23/2/22	33.0	41.7	34.4	2,917	11.8	2.2	Click
16	VHC	Thủy sản	Mua	14/2/22	68.4	91.6	104.0	8,331	12.5	3.0	Click
17	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	37.4	1,941	19.3	1.7	Click
18	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	54.0	3,644	14.8	1.6	Click
19	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	24.6	1,258	19.6	1.0	Click
20	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	106.0	4,381	24.2	4.0	Click
21	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	26.5	3,141	8.4	1.7	Click
22	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	55.5	-27	#N/A N/A	0.5	Click
23	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	17.2	1,702	10.1	0.7	Click
24	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	14.5	1,350	10.7	0.7	Click
25	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	14.5	1,350	10.7	0.7	Click
26	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	18.0	2,324	7.7	2.6	Click
27	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	108.0	5,443	19.8	3.3	Click
28	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	108.0	5,443	19.8	3.3	Click
29	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	149.2	6,936	21.5	5.2	Click
30	SZC	BĐS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	58.6	2,762	21.2	4.1	Click
31	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	47.2	1,900	24.8	2.1	Click
32	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	21.7	2,108	10.3	1.8	Click
33	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	22.3	1,034	21.5	1.3	Click
34	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	104.0	8,331	12.5	3.0	Click
35	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	32.7	2,916	11.2	1.8	Click
36	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	14.6	689	21.2	1.1	Click
37	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	31.1	3,600	8.6	1.5	Click
38	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	48.7	3499.1	13.9	2.0	Click
39	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.5	1,933	11.6	1.5	Click
40	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	106.0	4,381	24.2	4.0	Click
41	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	37.4	11,559	3.2	1.3	Click
42	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	47.9	1,781	26.9	3.0	Click
43	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	74.2	4,518	16.4	4.7	Click
44	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	105.0	5,152	20.4	5.0	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	30.9	401	77.1	2.3	Click
46	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	240.9	18,902	12.7	5.7	Click
47	LHG	BĐS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	44.0	6,244	7.0	1.5	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
2	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
3	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
5	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
6	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
7	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
8	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
9	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
10	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
11	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
13	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
14	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
15	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
17	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
19	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
20	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
22	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
23	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
24	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
26	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
27	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
28	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
29	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
30	Banking Sector Outlook		x	Click
31	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
32	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
33	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
34	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
35	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
36	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
37	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
38	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
39	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
40	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
41	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
42	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
43	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
44	Fishery Outlook 2021		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639